

Hôn nhân của người Mường ở Đắk Lắk hiện nay

Lương Thị Thu Hằng

Đỗ Thị Ngân **

Tóm tắt: Tỉnh Đắk Lắk nằm ở trung tâm vùng Tây Nguyên với các nền văn hóa đặc sắc của 47 tộc người. Trong điều kiện sinh sống xen cài như vậy, hôn nhân hỗn hợp tộc người đang là xu hướng ngày càng phổ biến tại Đắk Lắk. Người Mường là một tộc người ở Đắk Lắk. Xu hướng hôn nhân hỗn hợp giữa dân tộc Mường và các dân tộc khác tại Đắk Lắk là một ví dụ điển hình của hôn nhân hỗn hợp dân tộc đang phổ biến hiện nay. Bên cạnh những mặt tích cực như tạo sự hòa hợp dân tộc, đoàn kết dân tộc thì những vấn đề về giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, giữ gìn ngôn ngữ, chữ viết của tộc người thông qua xu hướng hôn nhân hỗn hợp tộc người hiện nay cũng được đặt ra để quản lý, bảo tồn.

Từ khóa: Hôn nhân; văn hóa; người Mường; Đắk Lắk.

1. Mở đầu

Tỉnh Đắk Lắk nằm ở trung tâm vùng Tây Nguyên, có các nền văn hóa đặc sắc. Cộng đồng dân cư Đắk Lắk gồm 47 dân tộc. Trong đó, người Kinh chiếm gần 70%; các dân tộc thiểu số như Ê Đê, Mông, Thái, Tày, Nùng... là hơn 30% dân số toàn tỉnh. Mỗi dân tộc có những nét đẹp văn hóa riêng. (Những lễ hội cồng chiêng, đâm trâu, đua voi mùa xuân; kiến trúc nhà sàn, nhà rông; các nhạc cụ lâu đời nổi tiếng; các bộ cồng chiêng, đàn đá, đàn Trưng; các bản trường ca Tây Nguyên...; đó là những sản phẩm văn hóa vật thể và phi vật thể quý giá, trong đó "*Không gian văn hóa cồng chiêng Tây Nguyên*" đã được tổ chức UNESCO công nhận là kiệt tác truyền khẩu và di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại. Tất cả các truyền thống văn hóa tốt đẹp của các dân tộc tạo nên sự đa dạng, phong phú về văn hóa của Đắk Lắk.

Sự trù phú về đất đai, khí hậu đã tạo cho Đắk Lắk nói riêng và Tây Nguyên nói chung một sức hút di cư lớn từ các dân tộc thiểu số phía Bắc và Duyên hải Nam Trung bộ tới đây. Những cuộc di cư gần liền với các sự kiện lịch sử (trước năm 1975), phong trào xây dựng vùng kinh tế mới (sau năm 1975) và nhiều cuộc di cư tự do của các cộng đồng khi nhận thấy cơ hội phát triển kinh tế và thay đổi cuộc sống tại Đắk Lắk. Trong những năm gần đây, dân số của Đắk Lắk có biến động do tăng cơ học, chủ yếu là di dân tự do, điều này đã gây nên sức ép lớn cho tình về giải quyết

(*) Tiến sĩ, Viện Nghiên cứu Phát triển bền vững Vùng Đ.T: 0912082967 Email: hangnhxh@gmail.com. Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc gia (Nafosted) trong đề tài mã số IV.3-2012.07.

(**) Thạc sĩ, Viện Nghiên cứu Phát triển bền vững Vùng. Đ.T: 0988480665 Email: ngan.isdn@gmail.com.

đất ở, đất sản xuất và các vấn đề đời sống xã hội, an ninh trật tự và môi trường sinh thái. Mặc dù chỉ chiếm 0.9% dân số toàn tỉnh (15.510 người) và cư trú rải rác ở các huyện của tỉnh Đắk Lắk nhưng dân tộc Mường đã góp phần không nhỏ tạo nên nền văn hóa đặc sắc của cộng đồng các dân tộc nơi đây. Tại thành phố Buôn Ma Thuột, người Mường tập trung chủ yếu ở xã Hòa Thắng và xã Eakao, cư trú đan xen với các dân tộc bản địa và các dân tộc khác. Khi di cư, người Mường di cư với số lượng lớn các gia đình, thậm chí là cả một vùng Mường, vì vậy họ đã duy trì được các phong tục tập quán và bản sắc văn hóa của dân tộc mình. Trong đó có văn hóa về hôn nhân. Bài viết này đề cập đến đặc điểm về hôn nhân của người Mường ở Đắk Lắk hiện nay trên một số phương diện như: nguyên tắc, độ tuổi tiêu chuẩn kết hôn, xu hướng hôn nhân ngoài tộc.

2. Nguyên tắc và độ tuổi kết hôn

Nếu như trước đây, hôn nhân của người Mường được cộng đồng chấp nhận khi được báo hỷ và thông qua các nghi lễ hôn nhân, thì hiện nay, các quan hệ hôn nhân còn được đảm bảo bởi công cụ pháp lý là giấy đăng ký kết hôn giữa đôi nam - nữ do chính quyền địa phương cấp, đó là cơ sở đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ giữa hai vợ chồng về mặt pháp lý.

Gia đình người Mường là gia đình phụ quyền. Người đàn ông là người chồng, người cha và người chủ gia đình; có vai trò quan trọng nhiều mặt của cuộc sống; có quyền hành lớn, quyết định mọi việc từ làm ăn, cưới xin, tang ma đến công việc tín ngưỡng. Đồng thời, họ còn là người thay mặt gia đình quan hệ với họ hàng, làng xóm và các tổ chức xã hội, với chính quyền địa phương. Mọi tài sản trong nhà, kể cả ruộng

nương, trâu bò, công cụ sản xuất đều do người đàn ông nắm giữ. Quyền lực này sẽ được bàn giao lại cho con trai cả khi đã trưởng thành, người cha chỉ đóng vai trò cố vấn và lo việc đối ngoại. Quyền lực của người đàn ông trong gia đình, sự phục tùng và ý thức tôn ti trật tự đã được ăn sâu vào đầu óc của các thành viên trong gia đình. Đó là sự lệ thuộc của người em đối với anh cả, của anh cả đối với cha và của người cha đối với tổ tiên.

Về hôn nhân, người Mường đều phải tuân thủ những nguyên tắc nhất định, từ yêu đương tìm hiểu đến các lễ tục trong việc cưới xin. Ngày xưa việc dựng vợ gả chồng là do cha mẹ xếp đặt, con cái không có quyền lựa chọn, nhất là con gái. Hiện nay trai gái được tự do tìm hiểu bạn đời, hôn nhân hoàn toàn dựa trên cơ sở tự nguyện.

Trong hôn nhân, độ tuổi kết hôn của nam nữ Mường đã tuân thủ Luật Hôn nhân và gia đình, nam từ 20-25 tuổi, thậm chí đến 30, nữ từ 18-20 tuổi trở lên mới xây dựng gia đình. Đối với người Mường trước đây, tuổi kết hôn thường rất sớm, con trai lấy vợ ở tuổi 15 đến 20 tuổi, con gái lấy chồng trong độ tuổi 16 đến 18 tuổi. Trên 25 tuổi đã được cho là quá lứa, và ngoài 30 tuổi mà chưa xây dựng gia đình thì được xem là "ế vợ, ế chồng".

3. Tiêu chuẩn kết hôn

Người đàn ông Mường khi chọn vợ thường chọn những cô gái chịu khó, chăm chỉ làm ăn, nói năng nhẹ nhàng, biết làm các công việc đồng áng, biết thấu hiểu vất vả, thành thạo các công việc nội trợ và ứng xử lễ phép với bố mẹ, anh chị, họ hàng, làng xóm. Người Mường quan niệm sắc đẹp chỉ là một trong những tiêu chuẩn, người vợ lý tưởng là phải nết na, chăm làm. Vì thế người Mường có câu: "Đừng tham nón rế

mà đội trời mưa, đừng tham người đẹp mà thua việc làm”.

Theo truyền thống, tiêu chuẩn của một người chồng lý tưởng là có sức khỏe, cày bừa thành thạo và biết đan lát các công cụ gia đình, biết chăm lo cho gia đình. Người Mường có câu: “Con trai để rào hồng, đậu nát là con trai hư”. Khi kén rể người ta còn xem xét đến gốc gác gia đình, tránh những nhà có tiếng xấu và các loại bệnh di truyền. Bởi, trong gia đình người Mường, đàn ông luôn được coi là trụ cột, gánh vác “công to việc lớn” của gia đình, đại diện cho gia đình trong các hoạt động của họ hàng, cộng đồng.

Hiện nay, bên cạnh một số tiêu chuẩn truyền thống thì các tiêu chuẩn mới cũng được định hình. Với các bạn trẻ, yếu tố tình cảm là quan trọng nhất, có sự quý mến, tâm đầu ý hợp và các yếu tố về nghề nghiệp, sức khỏe, ngoại hình cũng được họ quan tâm khi muốn tiến tới hôn nhân.

Quan niệm “lấy vợ xem tông, lấy chồng xem giống” vẫn còn tồn tại ở bộ phận người cao niên nhưng không quá nặng nề như trước đây. Điều này cho thấy những tác động của những biến đổi về kinh tế - xã hội, hiệu quả của công tác tuyên truyền về hôn nhân gia đình. Vấn đề tự do trong lựa chọn bạn đời được quy định rất rõ tại khoản 2, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000: “Việc kết hôn do nam nữ tự nguyện quyết định, không được bên nào ép buộc, lừa dối bên nào, không ai được cưỡng ép hoặc cản trở”. Mặt khác, hiện nay nhận thức của đại bộ phận người dân đã được nâng lên, do vậy, quan điểm về “môn đăng hộ đối” không còn nặng nề như truyền thống của người Mường trước đây. Điều này cũng đã góp phần hạn chế tình trạng hôn nhân cận huyết trong cộng đồng.

4. Xu hướng hôn nhân ngoại tộc

Do sự phát triển của nền kinh tế, thế hệ trẻ có cơ hội được học tập và làm việc trong những môi trường mới nên cơ hội về lựa chọn bạn đời được mở rộng hơn. Thanh niên người Mường ở Đắk Lắk đi học, đi làm ở các thành phố lớn, được tiếp xúc với bạn bè ở các tỉnh, các dân tộc khác, nhờ thế cho nên con dâu/ con rể của người Mường không chỉ trong phạm vi tỉnh Đắk Lắk mà có thể ở Đồng Nai, Quảng Nam, Huế, Lâm Đồng... và không chỉ hạn chế trong phạm vi người Mường mà còn với dân tộc Ê Đê và nhiều hơn cả là người Kinh. Xu hướng kết hôn hỗn hợp dân tộc là một xu thế tất yếu của sự biến chuyển về kinh tế, xã hội, góp phần làm cho bức tranh văn hóa các dân tộc tại Đắk Lắk thêm phong phú.

Tại Đắk Lắk hiện nay, xu hướng kết hôn ngoại tộc giữa người Mường và các dân tộc khác diễn ra khá phổ biến ở cả hai xã Hòa Thắng và Eakao của thành phố Buôn Ma Thuột. Bên cạnh đó, kết hôn nội tộc cũng chiếm một vị trí quan trọng. Cụ thể, ở xã Eakao tính từ năm 1978 đến nay thì số lượng cặp vợ chồng đăng ký kết hôn là 310 cặp, trong đó kết hôn giữa người Mường với nhau là 127 cặp, kết hôn giữa người Mường và dân tộc khác là 184 cặp. Việc cư trú đan cài giữa các dân tộc trên cùng một địa bàn, cùng với đó là sự giao lưu trong các hoạt động học tập, lao động, tập huấn... đã tạo điều kiện để các dân tộc có thể xích lại gần nhau và xóa dần đi những khác biệt về mặt văn hóa.

Xu hướng hôn nhân ngoại tộc còn diễn ra mạnh mẽ hơn ở xã Hòa Thắng. Đây là nơi những người Mường đầu tiên di cư vào trong Đắk Lắk, do vậy, họ có sự giao lưu, tiếp biến sâu đậm hơn với các dân tộc bản địa và các nhóm dân cư khác. Mặt khác, xã

Hòa Thắng có vị trí ngay sát trung tâm chính trị, kinh tế, xã hội của thành phố Buôn Ma Thuột. vì thế cho nên những thay đổi về quan niệm, văn hóa ở đây là điều khó tránh khỏi. Chỉ tính từ năm 2009 - 2014, số cặp kết hôn nội tộc người Mường: 312 cặp, kết hôn giữa người Mường và các dân tộc khác: 506 cặp. Trong số các trường hợp kết hôn ngoại tộc, có 2 trường hợp người Mường kết hôn với người Tày và 02 trường hợp người Mường kết hôn với người Ê Đê, còn lại 109 trường hợp người Mường kết hôn với người Kinh [6].

Hôn nhân hỗn hợp giữa các tộc người là chiếc cầu nối để các nhóm cộng đồng có thể hiểu và xích lại gần nhau hơn, cùng chia sẻ những giá trị chung và tiến bộ. Tuy nhiên, một vấn đề được đặt ra làm thế nào để có thể giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa riêng của mỗi dân tộc. Thế hệ được sinh ra từ các cuộc hôn nhân hỗn hợp dân tộc được thừa hưởng nền văn hóa của cha và mẹ truyền cho hoặc có thể lựa chọn một nền văn hóa mình ưa thích.

Nhờ có quá trình giao lưu, tiếp biến văn hóa tự nhiên giữa người Mường cùng các dân tộc trên địa bàn cư trú nên không có sự xung đột văn hóa giữa hai bên gia đình khi nam nữ muốn tiến tới hôn nhân. Người Mường và người Kinh có sự tương đồng về văn hóa và cùng theo chế độ phụ hệ, do vậy, các cặp người Mường - người Kinh chiếm tỷ lệ lớn nhất trong các cặp kết hôn ngoại tộc. Ê Đê là dân tộc theo chế độ mẫu hệ, song không vì vậy mà giữa người Mường và người Ê Đê không tìm được tiếng nói chung. Hai bên gia đình thường có những buổi nói chuyện về lễ vật và nghi thức tiến hành hôn lễ. Sự tôn trọng phong tục tập quán của mỗi bên gia đình được thể hiện trong việc tiến hành nghi thức hôn lễ.

Có nhiều nguyên nhân khiến cho xu hướng kết hôn ngoại tộc ngày càng gia tăng.

Thứ nhất, sự cư trú đan xen là điều kiện thuận lợi để các nền văn hóa khác nhau được tiếp xúc thường ngày và trở nên quen thuộc. Trong thời kỳ trước đây, sự khó khăn về đi lại, cư trú tách biệt, sự giao thoa văn hóa giữa các dân tộc diễn ra chậm chạp. Hiện nay, vấn đề cư trú xen cài và giao thông thuận tiện đã thúc đẩy các giao lưu văn hóa và tương tác trong đời sống, sản xuất của các tộc người ở Đắk Lắk ngày càng tăng.

Dưới góc độ văn hóa vùng, ảnh hưởng của một số dân tộc bản địa đã giảm, và được thay thế bằng ảnh hưởng văn hóa của người Kinh. Việc cộng cư, xen cư giữa các dân tộc, thúc đẩy giao lưu, tiếp xúc văn hóa, song cũng đặt ra vấn đề giữ gìn bản sắc văn hóa của các tộc người này. Một trong những vấn đề đang được đặt ra hiện nay là giữ gìn ngôn ngữ dân tộc. Không như những dân tộc bản địa như M'Nông, Gia Rai và Ê Đê có cả ngôn ngữ nói và chữ viết, người Mường chỉ có tiếng nói, do vậy, việc giữ gìn ngôn ngữ của người Mường gặp nhiều khó khăn. Việc mất dần tiếng nói dân tộc Mường, biểu hiện cụ thể ở xã Hòa Thắng, xã Eakao của thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, cho thấy tiếng Mường ít được sử dụng trong sinh hoạt hàng ngày. Đặc điểm này được coi là một trong các yếu tố tác động đến xu hướng kết hôn ngoại tộc của người Mường, khi mà khoảng cách khác biệt ngôn ngữ tộc người ngày càng thu hẹp.

Thứ hai, cùng với thời gian, tâm lý "ta về ta tắm ao ta" đang dần phai nhạt, nhất là từ thời kỳ Đổi mới, tình hình đã khác đi rất nhiều. Ngày nay, do có sự biến đổi về kinh tế - văn hóa - xã hội, lớp trẻ đã vượt ra khỏi phạm vi làng xã của mình để làm ăn, học tập. Đây chính là môi trường thuận lợi để

nam nữ thanh niên có điều kiện dễ tìm hiểu, yêu thương nhau rồi đi đến hôn nhân. Bên cạnh đó, người Mường theo chế độ phụ hệ và có khá nhiều điểm tương đồng với người Kinh, do vậy, việc kết hôn giữa người Mường và người Kinh cũng không gặp nhiều khác biệt về lối sống, tập quán, đây cũng là yếu tố tác động tới xu hướng gia tăng trong hôn nhân hỗn hợp giữa hai tộc người này ở Đắk Lắk.

Thứ ba, sự mở rộng nghề nghiệp ra ngoài phạm vi sản xuất nông nghiệp, như dịch vụ, buôn bán nhỏ làm phong phú thêm phạm vi giao tiếp, tạo nhiều cơ hội tiếp cận thông tin và ý tưởng mới, nhấn mạnh quyền tự lựa chọn bạn đời của các cá nhân, cũng là yếu tố tạo nên xu hướng kết hôn ngoại tộc của người Mường tại Đắk Lắk hiện nay.

5. Kết luận

Quá trình giao lưu văn hóa giữa các dân tộc như một quy luật đang diễn ra với tốc độ ngày càng tăng. Vì vậy, với ba nguyên tắc: bình đẳng - đoàn kết - tương trợ, Nhà nước Việt Nam đã có nhiều chính sách, đề nâng cao đời sống mọi mặt của các dân tộc, gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc, làm giàu tinh hoa văn hóa của dân tộc giải quyết hài hòa, tốt đẹp mối quan hệ giữa truyền thống và hiện đại, giữa thống nhất và đa dạng, giữa dân tộc, quốc gia và quốc tế.

Sự phát triển kinh tế, xã hội của người Mường nói riêng và các dân tộc khác trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk nói chung đã dẫn đến sự biến đổi trong quan niệm về hôn nhân (về độ tuổi kết hôn, về tiêu chuẩn chọn vợ/chọn chồng cũng như các nghi thức tiền hành hôn lễ). Dường như, các dân tộc đang sinh sống trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk đang dần hình thành một quan niệm chung về hôn nhân. Khi kết hôn nhiều người hiện nay không quan tâm nhiều đến việc người mình kết hôn là người Kinh, người Mường, người

Tày, người Ê Đê... Các đám cưới giờ đây luôn nhận được sự lắng nghe và chấp thuận của các thành viên trong hai bên gia đình.

Tuy nhiên, vấn đề bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa của mỗi dân tộc cũng đang được đặt ra do có tình trạng mai một tiếng nói, sự biến mất của một số nghi thức truyền thống trong đám cưới.

Tài liệu tham khảo

- [1] Bùi Minh Đạo (2013), "Tổ chức xã hội ở nông thôn làng Tây Nguyên hiện nay", Tạp chí *Khoa học Xã hội Việt Nam*, số 3.
- [2] Nguyễn Song Hà (2011), *Nghi lễ trong chu kỳ đời người của người Mường ở Hòa Bình*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [3] Trịnh Thị Lan (2008), "Biến đổi trong nghi lễ hôn nhân ở nông thôn Việt Nam" "Qua nghiên cứu tại ba tỉnh Yên Bái, Thừa Thiên - Huế và Tiền Giang", Tạp chí *Dân tộc học*, số 2.
- [4] Nguyễn Đức Tồn (2010), *Chính sách ngôn ngữ của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế: thực trạng, các kiến nghị và giải pháp*, Viện Ngôn ngữ học, Hà Nội.
- [5] UBND thành phố Buôn Ma Thuột, Phòng Dân tộc học (2014), *Kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác năm 2014 và chương trình công tác năm 2015*.
- [6] UBND xã Hòa Thắng (2014), *Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2013 - Phương hướng, nhiệm vụ năm 2014*.
- [7] UBND xã Eakao (2014), *Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2013 - Phương hướng, nhiệm vụ năm 2014*.
- [8] <http://vhtts.org.vn/newsdetail/391/tuc-cuoi-xin-co-truyen-cua-dan-toc-muong-hoa-binh-va-xu-huong-bien-doi-hien-nay.html>.